

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC**  
**FAC AUDITING CO., LTD**

Website : [www.kientoan.net.vn](http://www.kientoan.net.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

---

**MỤC LỤC**

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	6 - 9
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
4.4 Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 27

\*\*\*\*\*

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 10/11/2017 và kết thúc ngày 31/12/2017 (sau đây gọi là "kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017") đã được kiểm toán.

**KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa ("Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa, được thành lập trên cơ sở tách toàn bộ tài sản và lao động của Nhà máy Nước giải khát Sanna theo Quyết định số 2340/QĐ-YS ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yên sào Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2016.

Ngày 23 tháng 6 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 1795/QĐ-UBND về phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa thành Công ty cổ phần.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa đã được tổ chức và đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần, bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 16 tháng 11 năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 16 tháng 11 năm 2017, kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 50.000.000.000 đồng và không đổi qua quá trình thay đổi đăng ký kinh doanh.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại : (0258) 3865 678 Fax : (0258) 3865 676

Website : [www.sannakhanhhoa.com.vn](http://www.sannakhanhhoa.com.vn)

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Khai thác nước khoáng thiên nhiên; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống không có cồn, rượu, bia; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống không có cồn, rượu, bia; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế.

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 27).

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Lê Thị Hồng Vân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên
Bà Hoàng Thị Ân Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Thành viên

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**Ban kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên	Trưởng ban
Ông Bùi Hoàng Vũ	Thành viên
Bà Đinh Thị Thủy Phương	Thành viên

**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lành	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Lê Thùy Linh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hạnh Quyên	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập và trình bày báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

CÔNG TY  
TỔNG  
KIỂM TOÁN  
VIÊN



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc



**Lê Thị Hồng Vân** *[Signature]*

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 02 năm 2018



www.com70207.npc.vt

# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

# FAC AUDITING CO., LTD

Tên Bộ Chỉ huy	186/2 Ngõ Ba Tư, Phường 9, Quận 11, TP. HCM	Tel: 029 3 948 2120	Fax: 029 3 948 3120
Chi nhánh Bắc Ninh	84/4 Đường 07/1, 01, Phường Đồng Hưng Thuận, Quận 12, TP. HCM	Tel: 0294 3 880 7777	Fax: 0294 3 880 5117
Chi nhánh Nha Trang	27 Đường 01, Khu Đô Thị Chí Linh Trung, Phường Tân Thành, TP. Nha Trang, Khánh Hòa	Tel: 0259 2 21 1 281	Fax: 0259 2 250 217
Chi nhánh Vũng Tàu	189 Trường Chinh, Phường Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Tel: 0255 222 8889	Fax: 0255 360 7879
Chi nhánh Miền Trung	21 Trần Phú, Phường Tân Thành, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam		

Số: 009/2018/BCTC-FACNT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa ("Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2018, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 10/11/2017 và kết thúc ngày 31/12/2017 (sau đây gọi là "kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017") và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC  
CHI NHÁNH NHA TRANG



**Nguyễn Thị**  
Giám đốc

**Nguyễn Minh Huy**  
Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0473-2018-099-1  
Khánh Hòa, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 3229-2015-099-1

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	10/11/2017
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>23.633.895.276</b>	<b>48.540.143.100</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V. 1	<b>576.746.602</b>	<b>26.766.758.646</b>
1. Tiền	111		576.746.602	26.766.758.646
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>12.281.581.874</b>	<b>11.795.556.825</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 2	11.240.590.314	11.717.614.675
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	26.638.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 3	1.040.991.560	51.303.750
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>9.874.891.239</b>	<b>8.930.317.103</b>
1. Hàng tồn kho	141	V. 4	9.874.891.239	8.930.317.103
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>900.675.561</b>	<b>1.047.510.526</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 5	813.718.487	897.623.359
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		86.957.074	149.887.167
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-





**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,  
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017  
**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017		10/11/2017	
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>39.463.873.350</b>		<b>40.827.814.564</b>	
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>					
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-		-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-		-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-		-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-		-	
6. Phải thu dài hạn khác	216		-		-	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-		-	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>21.991.008.901</b>		<b>22.858.601.556</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 6	21.991.008.901		22.858.601.556	
<i>Nguyên giá</i>	222		40.605.241.187		40.605.241.187	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18.614.232.286)		(17.746.639.631)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-		-	
<i>Nguyên giá</i>	225		-		-	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227		-		-	
<i>Nguyên giá</i>	228		-		-	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-		-	
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>					
<i>Nguyên giá</i>	231		-		-	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-		-	
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>404.820.000</b>		<b>404.820.000</b>	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-		-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V. 7	404.820.000		404.820.000	
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>					
1. Đầu tư vào công ty con	251		-		-	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-		-	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-		-	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-		-	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-		-	
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.068.044.449</b>		<b>17.564.393.008</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 8	17.068.044.449		17.564.393.008	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-		-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-		-	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>63.097.768.626</b>		<b>89.367.957.664</b>	



Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017		10/11/2017	
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.544.477.191</b>		<b>39.341.330.955</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.544.477.191</b>		<b>39.341.330.955</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 9	9.798.131.554		8.025.251.495	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-		-	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 10	403.266.260		317.134.558	
4. Phải trả người lao động	314		1.069.344.638		4.055.429.338	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 11	235.756.878		40.909.091	
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-		-	
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-		-	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-		-	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 12	1.037.977.861		26.902.606.473	
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-		-	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-		-	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-		-	
13. Quỹ bình ổn giá	323		-		-	
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-		-	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>					
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-		-	
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-		-	
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-		-	
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-		-	
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-		-	
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-		-	
7. Phải trả dài hạn khác	337		-		-	
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-		-	
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-		-	
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-		-	
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-		-	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-		-	
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-		-	

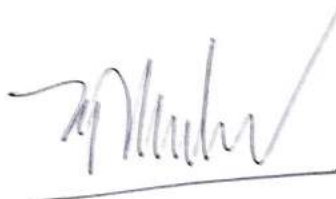
Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017		10/11/2017	
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>50.553.291.435</b>		<b>50.026.626.709</b>	
I. <b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>50.553.291.435</b>		<b>50.026.626.709</b>	
1. <b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>411</b>	V. 13	50.000.000.000		50.000.000.000	
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		50.000.000.000		-	
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-		-	
2. <b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>412</b>	V. 13	26.626.709		-	
3. <b>Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu</b>	<b>413</b>		-		-	
4. <b>Vốn khác của chủ sở hữu</b>	<b>414</b>	V. 13	-		26.626.709	
5. <b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>415</b>		-		-	
6. <b>Chênh lệch đánh giá lại tài sản</b>	<b>416</b>	V. 13	-		-	
7. <b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>	<b>417</b>		-		-	
8. <b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>418</b>	V. 13	-		-	
9. <b>Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp</b>	<b>419</b>		-		-	
10. <b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</b>	<b>420</b>		-		-	
11. <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>421</b>	V. 13	526.664.726		-	
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>						
- <i>lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		-		-	
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		526.664.726		-	
12. <b>Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản</b>	<b>422</b>		-		-	
II. <b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-		-	
1. <b>Nguồn kinh phí</b>	<b>431</b>		-		-	
2. <b>Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định</b>	<b>432</b>		-		-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>63.097.768.626</b>		<b>89.367.957.664</b>	

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 02 năm 2018



Nguyễn Thị Hạnh Quyên  
 Kế toán trưởng  
 Người lập biểu



Nguyễn Thanh Hải  
 Giám đốc



Lê Thị Hồng Vân  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Mẫu B 02-DN


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

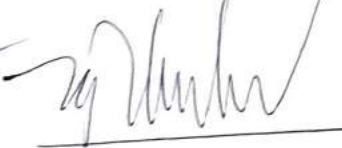
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 10/11/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 09/11/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	13.198.322.420	130.409.661.039
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 1	1.220.190.916	11.916.921.225
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.978.131.504	118.492.739.814
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	9.000.907.745	84.140.169.451
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.977.223.759	34.352.570.363
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.308.281	6.161.596
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI. 3	1.125.328.941	14.627.431.685
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 4	1.391.904.175	11.735.715.728
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		464.298.924	7.995.584.546
11. Thu nhập khác	31	VI. 5	200.124.234	3.476.657
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		200.124.234	3.476.657
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		664.423.158	7.999.061.203
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 6	137.758.432	1.600.519.875
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		526.664.726	6.398.541.328
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 7	87	N/A

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 02 năm 2018

  
 Nguyễn Thị Hạnh Quyên  
 Kế toán trưởng  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Thanh Hải  
 Giám đốc

  
 Lê Thị Hồng Vân  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị



**CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,  
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 09/11/2017

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 28/01/2016
			đến 09/11/2017	đến 31/12/2016
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		712.717.575	260.827
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>712.717.575</b>	<b>260.827</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>26.765.757.683</b>	<b>1.000.963</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V. 1</b>	<b>1.000.963</b>	<b>-</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V. 1</b>	<b>26.766.758.646</b>	<b>1.000.963</b>

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 01 năm 2018

  
 Hoàng Thị Ân Vũ  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Thanh Hải  
 Giám đốc

  
  
 Lê Thị Hồng Vân  
 Chủ tịch Công ty

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 09/11/2017

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa làm chủ sở hữu.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu bao gồm: Khai thác nước khoáng thiên nhiên; Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Kinh doanh khách sạn, làng du lịch; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống không cồn, rượu, bia; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống không có cồn, rượu, bia; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là không quá 12 tháng.

**5. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**

Ngày 12 tháng 10 năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 3041/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần là ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ngày 15 tháng 11 năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 3472/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa và Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa thuộc Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 846/QĐ-UBND về phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa.

Ngày 23 tháng 6 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 1795/QĐ-UBND về phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa thành Công ty cổ phần.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa đã được tổ chức và đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần, bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 16 tháng 11 năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 16 tháng 11 năm 2017, kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa.

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu cột Số năm nay trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc ngày 09/11/2017 không mang tính so sánh tương đồng với số liệu cột Số năm trước cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28/01/2016 và kết thúc ngày 31/12/2016 do thời gian thực hiện không tương đồng.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 28/01/2016 và kết thúc ngày 31/12/2016 là năm tài chính đầu tiên của Công ty.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc ngày 09/11/2017 ("năm tài chính kết thúc ngày 09/11/2017") là năm tài chính cuối cùng của Công ty hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu vốn.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Chủ tịch và Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chế độ kế toán doanh nghiệp tại Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 2. Các khoản phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.



#### 4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 10 năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 05 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải    | 05 - 10 năm |

Trong đó, các tài sản cố định nhận góp vốn được khấu hao theo số năm khấu hao còn lại.

#### 5. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

#### 8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 9. Vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của Chủ sở hữu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó ở Công ty. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là tài sản cố định và công cụ, dụng cụ. Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định. Công ty tiến hành đánh giá lại tài sản khi thực hiện cổ phần hóa. Chênh lệch đánh giá lại tài sản này không phản ánh số chênh lệch đánh giá lại khi đưa tài sản đi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác hoặc thay đổi hình thức sở hữu.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Quyết định của Chủ sở hữu.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho Chủ sở hữu sau khi được Chủ sở hữu thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

#### 11. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu vào kỳ phát sinh khoản giảm trừ doanh thu.

#### 12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho, dự phòng giảm giá và tồn thất hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

#### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.



Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch giữa các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	17.476.458	-
Tiền gửi ngân hàng (*)	26.749.282.188	1.000.963
<b>Cộng</b>	<b><u>26.766.758.646</u></b>	<b><u>1.000.963</u></b>

(\*) Trong đó, số dư tiền gửi ngân hàng ở tài khoản phong tỏa là 26.744.023.997 đồng, số tiền này đã được giải tỏa vào ngày 13/11/2017 khi Công ty hoàn thành việc chào bán cổ phần lần đầu.

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>11.711.939.157</b>	<b>5.834.207.833</b>
- Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	11.711.939.157	5.082.378.507
- Công ty TNHH MTV Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	-	747.733.326
- Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	-	4.096.000
<b>Phải thu các khách hàng về hoạt động kinh doanh</b>	<b>5.675.518</b>	<b>63.872.215</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>11.717.614.675</u></b>	<b><u>5.898.080.048</u></b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các nhà cung cấp về bán hàng, cung cấp dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh	26.638.400	13.200.000
Trả trước cho các nhà cung cấp, nhà thầu về đầu tư tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	310.140.600
<b>Cộng</b>	<b><u>26.638.400</u></b>	<b><u>323.340.600</u></b>

11/11/2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,  
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017  
**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch giữa các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2017</u>	<u>10/11/2017</u>
Tiền mặt tại quỹ	196.876.945	17.476.458
Tiền gửi ngân hàng	379.869.657	26.749.282.188
<b>Cộng</b>	<b><u>576.746.602</u></b>	<b><u>26.766.758.646</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>31/12/2017</u>	<u>10/11/2017</u>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>11.240.590.314</b>	<b>11.711.939.157</b>
- Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	10.982.226.714	11.711.939.157
- Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	13.818.500	-
- Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan	57.304.500	-
- Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	23.790.500	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	58.905.000	-
- Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	55.369.000	-
- Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	49.176.100	-
<b>Phải thu các khách hàng khác về hoạt động kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>5.675.518</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>11.240.590.314</u></b>	<b><u>11.717.614.675</u></b>

**3. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2017</u>	<u>10/11/2017</u>
Phải thu Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa (tiền thu từ cổ phần hóa nợ thừa)	676.906.973	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt	263.600.000	-
Tạm ứng của người lao động	84.252.837	35.072.000
Phải thu khác	16.231.750	16.231.750
<b>Cộng</b>	<b><u>1.040.991.560</u></b>	<b><u>51.303.750</u></b>

Mẫu B 09-DN

**4. Hàng tồn kho**

	<u>31/12/2017</u>	<u>10/11/2017</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.201.926.112	1.506.050.919
Công cụ, dụng cụ	3.431.009.997	3.068.114.393
Thành phẩm	1.845.509.228	1.857.905.610
Hàng hóa	734.490.241	746.602.591
Hàng gửi đi bán	2.661.955.661	1.751.643.590
<b>Cộng</b>	<b><u>9.874.891.239</u></b>	<b><u>8.930.317.103</u></b>

**5. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>31/12/2017</u>	<u>10/11/2017</u>
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	733.943.851	854.467.679
Chi phí khác	79.774.636	43.155.680
<b>Cộng</b>	<b><u>813.718.487</u></b>	<b><u>897.623.359</u></b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Tại 10/11/2017	25.822.144.023	12.172.909.615	2.610.187.549	40.605.241.187
Tại 31/12/2017	<b><u>25.822.144.023</u></b>	<b><u>12.172.909.615</u></b>	<b><u>2.610.187.549</u></b>	<b><u>40.605.241.187</u></b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Tại 10/11/2017	10.548.555.894	5.929.320.324	1.268.763.413	17.746.639.631
Trích khấu hao	423.725.862	382.698.326	61.168.467	867.592.655
Tại 31/12/2017	<b><u>10.972.281.756</u></b>	<b><u>6.312.018.650</u></b>	<b><u>1.329.931.880</u></b>	<b><u>18.614.232.286</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại 10/11/2017	15.273.588.129	6.243.589.291	1.341.424.136	22.858.601.556
Tại 31/12/2017	<b><u>14.849.862.267</u></b>	<b><u>5.860.890.965</u></b>	<b><u>1.280.255.669</u></b>	<b><u>21.991.008.901</u></b>

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>31/12/2017</u>	<u>10/11/2017</u>
Đầu tư hệ thống tự động chiết bình 5 gallons	404.820.000	404.820.000
<b>Cộng</b>	<b><u>404.820.000</u></b>	<b><u>404.820.000</u></b>

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2017</u>	<u>10/11/2017</u>
Lợi thế kinh doanh theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp	17.004.993.760	17.490.850.725
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	63.050.689	73.542.283
<b>Cộng</b>	<b><u>17.068.044.449</u></b>	<b><u>17.564.393.008</u></b>



**9. Phải trả cho người bán ngắn hạn**

	<u>31/12/2017</u>	<u>10/11/2017</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.491.451.883</b>	<b>1.578.661.818</b>
- Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	183.364.651	395.936.651
- Công ty CP Nước giải khát Sanest Khánh Hòa (trước đây là Công ty TNHH MTV Nước giải khát Sanest Khánh Hòa)	1.242.711.952	1.176.196.167
- Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	-	6.529.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ tuyến Bắc Nam	65.375.280	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh</b>	<b>8.099.919.271</b>	<b>6.150.768.877</b>
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Minh Thông Khánh Hòa	1.434.939.242	1.221.919.581
- Công ty TNHH Bao bì nhựa Vĩnh An	2.624.000.328	1.534.487.862
- Công ty TNHH Hiệp Hưng	1.404.878.200	937.228.809
- Các nhà cung cấp khác	2.636.101.501	2.457.132.625
<b>Phải trả các nhà thầu, nhà cung cấp phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định và tài sản dài hạn</b>	<b>206.760.400</b>	<b>295.820.800</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>9.798.131.554</u></b>	<b><u>8.025.251.495</u></b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong kỳ như sau:

	<u>10/11/2017</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>31/12/2017</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	82.089.130	249.797.728	308.895.458	22.991.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	235.045.428	137.758.432	-	372.803.860
Thuế thu nhập cá nhân	-	21.851.000	14.380.000	7.471.000
<b>Cộng</b>	<b><u>317.134.558</u></b>	<b><u>409.407.160</u></b>	<b><u>323.275.458</u></b>	<b><u>403.266.260</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh IV.14 và thuyết minh VI.6

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

**11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>31/12/2017</u>	<u>10/11/2017</u>
Trích trước chi phí vận chuyển	179.847.787	-
Trích trước chi phí khác	55.909.091	40.909.091
<b>Cộng</b>	<b><u>235.756.878</u></b>	<b><u>40.909.091</u></b>



**12. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2017</u>	<u>10/11/2017</u>
Phải trả lợi nhuận sau thuế cho Công ty TNHH Nhà nước MTV Yên sào Khánh Hòa	948.566.123	948.566.123
Phải trả về cổ phần hóa cho Công ty TNHH Nhà nước MTV Yên sào Khánh Hòa	-	25.727.747.625
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	5.786.343	178.818.633
Các khoản khác	<u>83.625.395</u>	<u>47.474.092</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.037.977.861</u></b>	<b><u>26.902.606.473</u></b>

**13. Vốn chủ sở hữu**

*a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Tại 01/01/2017	21.150.605.206	-	-	-	1.273.230.664	-
Đánh giá lại tài sản để cổ phần hóa	-	-	-	28.163.303.928	-	-
Kết chuyển tăng vốn	28.163.303.928	-	-	(28.163.303.928)	-	-
Nhận vốn góp	686.090.866	-	26.626.709	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế năm trước	-	-	-	-	-	6.398.541.328
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.919.562.398	(6.238.655.843)
Chia lợi nhuận cho Chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(159.885.485)
Điều chuyển về Chủ sở hữu	-	-	-	-	(3.192.793.062)	-
<b>Tại 09/11/2017</b>	<b><u>50.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>26.626.709</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>
Tại 10/11/2017	50.000.000.000	-	26.626.709	-	-	-
Kết chuyển nguồn vốn	-	26.626.709	(26.626.709)	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế kỳ này	-	-	-	-	-	526.664.726
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b><u>50.000.000.000</u></b>	<b><u>26.626.709</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>526.664.726</u></b>

*b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	<u>31/12/2017</u>	
	<u>Số tiền</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
<b>Cổ đông</b>		
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yên sào Khánh Hòa	25.500.000.000	51,00
Các cổ đông khác	<u>24.500.000.000</u>	<u>49,00</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>50.000.000.000</u></b>	<b><u>100,00</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,  
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017  
**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

**c. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2017</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a. Tổng doanh thu**

	Từ 10/11/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 09/11/2017
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>13.198.322.420</b>	<b>130.409.661.039</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>1.220.190.916</b>	<b>11.916.921.225</b>
- Chiết khấu thương mại	1.220.190.916	11.916.921.225
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>11.978.131.504</b>	<b>118.492.739.814</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần bán các thành phẩm	11.849.780.821	79.524.360.729
Doanh thu thuần bán hàng hóa	128.350.683	38.968.379.085

**b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	Từ 10/11/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 09/11/2017
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	11.246.804.457	79.610.179.489
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	193.247.273	-
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	18.497.727	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ tuyến Bắc Nam	21.977.273	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan	52.095.000	-
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	21.627.727	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	53.550.000	-
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	55.350.000	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	161.340.785	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	44.705.545	1.055.056
<b>Cộng</b>	<b>11.869.195.787</b>	<b>79.611.234.545</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,  
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017  
**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 10/11/2017 đến 31/12/2017</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 09/11/2017</b>
Giá vốn của thành phẩm	8.887.584.081	56.697.558.121
Giá vốn của hàng hóa	113.323.664	27.442.611.330
<b>Cộng</b>	<b>9.000.907.745</b>	<b>84.140.169.451</b>

**3. Chi phí bán hàng**

	<b>Từ 10/11/2017 đến 31/12/2017</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 09/11/2017</b>
Chi phí cho nhân viên	-	6.652.321.988
Chi phí vật liệu và đồ dùng	111.591.267	1.001.667.915
Chi phí khấu hao	48.323.627	182.230.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	957.495.047	6.595.021.645
Các chi phí khác	7.919.000	196.189.867
<b>Cộng</b>	<b>1.125.328.941</b>	<b>14.627.431.685</b>

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 10/11/2017 đến 31/12/2017</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 09/11/2017</b>
Chi phí nhân viên quản lý	-	7.421.690.418
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	266.376.781	889.046.751
Chi phí khấu hao tài sản cố định	442.468.190	2.624.778.327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.150.503	737.146.869
Các chi phí khác	553.908.701	63.053.363
<b>Cộng</b>	<b>1.391.904.175</b>	<b>11.735.715.728</b>

**5. Thu nhập khác**

	<b>Từ 10/11/2017 đến 31/12/2017</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 09/11/2017</b>
Thu nhập từ tiền nhận hỗ trợ	180.000.000	-
Các khoản thu nhập khác	20.124.234	3.476.657
<b>Cộng</b>	<b>200.124.234</b>	<b>3.476.657</b>

**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 10/11/2017 đến 31/12/2017</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 09/11/2017</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>664.423.158</b>	<b>7.999.061.203</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	24.369.000	3.538.173
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>688.792.158</b>	<b>8.002.599.376</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>137.758.432</b>	<b>1.600.519.875</b>



**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 10/11/2017 đến 31/12/2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	526.664.726
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(93.430.322)
- Tam trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(89.533.003)
- Tam trích quỹ thưởng Ban điều hành	(3.897.319)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	433.234.404
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>87</b>

Công ty tam trích Quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 17% lợi nhuận sau thuế và Quỹ thưởng ban điều hành với tỷ lệ 0,74% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần đầu năm 2017 để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**8. Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Từ 10/11/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 09/11/2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.472.487.598	51.518.158.797
Chi phí nhân công	1.212.589.456	20.517.839.907
Chi phí khấu hao tài sản cố định	867.592.655	3.945.324.633
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.192.640.756	7.874.261.257
Chi phí khác bằng tiền	563.511.201	282.788.177
<b>Cộng</b>	<b>12.308.821.666</b>	<b>84.138.372.781</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ tuyến Bắc Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản FishSan	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến Sào Khánh Hòa	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến Sào Khánh Hòa	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa (trước đây là Công ty TNHH MTV Nước giải khát Sanest Khánh Hòa)	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	Cùng công ty mẹ
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,  
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017  
**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<b>Bên liên quan/Nội dung giao dịch</b>	<b>Từ 10/11/2017 đến 31/12/2017</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 09/11/2017</b>
<b>Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa</b>		
Phải thu tiền bán hàng	12.371.484.912	87.571.197.499
Phải thu tiền bán hàng nhờ thu hộ	38.749.702	42.757.035.118
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	13.139.947.057	119.700.566.549
Phải trả tiền mua hàng hóa và dịch vụ	73.991.309	30.491.006.283
Phải trả tiền mua hàng hóa và dịch vụ nhờ chi hộ	13.065.955.748	89.209.560.266
Điều chuyển số dư quỹ về Chủ sở hữu	-	8.812.277.418
Phải trả tiền phân phối lợi nhuận	-	159.885.485
Phải trả tiền thu từ cổ phần hóa	-	25.727.747.625
Chuyển trả tiền thu từ cổ phần hóa	26.404.654.598	-
<b>Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land</b>		
Phải thu tiền bán hàng	212.572.000	-
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	212.572.000	-
<b>Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa</b>		
Phải thu tiền bán hàng	177.474.863	-
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	177.474.863	747.733.326
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	260.490.648	1.923.929.493
Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	16.500.000	-
<b>Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</b>		
Tiền thù lao, tiền thưởng	53.483.400	-
<b>Ban Giám đốc và Kế toán trưởng</b>		
Tiền lương, tiền thưởng	213.853.000	829.725.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

<b>Bên liên quan / Công nợ</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>10/11/2017</b>
<b>Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa</b>		
Phải thu tiền bán hàng (thuyết minh V.2)	10.982.226.714	11.711.939.157
Phải thu tiền cổ phần hóa nộp thừa (thuyết minh V.3)	676.906.973	-
Phải trả tiền phân phối lợi nhuận (thuyết minh V.12)	948.566.123	948.566.123
Phải trả tiền thu từ cổ phần hóa (thuyết minh V.12)	-	25.727.747.625
<b>Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land</b>		
Phải trả tiền mua hàng (thuyết minh V.9)	183.364.651	395.936.651
<b>Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist</b>		
Phải thu tiền bán hàng (thuyết minh V.2)	13.818.500	-
Phải trả tiền mua hàng (thuyết minh V.9)	-	6.529.000
<b>Công ty TNHH MTV Dịch vụ tuyến Bắc Nam</b>		
Phải trả tiền mua hàng (thuyết minh V.9)	65.375.280	-
<b>Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản FishSan</b>		
Phải thu tiền bán hàng (thuyết minh V.2)	57.304.500	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,  
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017  
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Bên liên quan / Công nợ	31/12/2017	10/11/2017
<b>Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa</b>		
Phải thu tiền bán hàng (thuyết minh V.2)	23.790.500	-
<b>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng</b>		
Phải thu tiền bán hàng (thuyết minh V.2)	58.905.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Quảng bá Sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa</b>		
Phải thu tiền bán hàng (thuyết minh V.2)	55.369.000	-
<b>Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa</b>		
Phải trả tiền mua nguyên liệu (thuyết minh V.9)	1.242.711.952	1.176.196.167
<b>Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa</b>		
Phải thu tiền bán hàng (thuyết minh V.2)	49.176.100	-

**2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, nợ phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động kinh doanh. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường là các khoản tiền gửi ngân hàng.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro ngoại hối**

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,  
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017  
**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

**Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty chỉ có liên quan đến một số đối tượng khách hàng chủ yếu, rủi ro tín dụng tập trung đáng kể vào một số khách hàng chủ yếu này.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Tại 10/11/2017</b>				
Phải trả người bán	8.025.251.495	-	-	8.025.251.495
Chi phí phải trả	40.909.091	-	-	40.909.091
Các khoản phải trả khác	26.902.606.473	-	-	26.902.606.473
<b>Cộng</b>	<b>34.968.767.059</b>	-	-	<b>34.968.767.059</b>
<b>Tại 31/12/2017</b>				
Phải trả người bán	9.798.131.554	-	-	9.798.131.554
Chi phí phải trả	235.756.878	-	-	235.756.878
Các khoản phải trả khác	1.037.977.861	-	-	1.037.977.861
<b>Cộng</b>	<b>11.071.866.293</b>	-	-	<b>11.071.866.293</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ vẫn ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

**3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Công ty.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017	10/11/2017	31/12/2017	10/11/2017
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	576.746.602	26.766.758.646	576.746.602	26.766.758.646
Phải thu khách hàng	11.240.590.314	11.717.614.675	11.240.590.314	11.717.614.675
Phải thu khác	1.040.991.560	51.303.750	1.040.991.560	51.303.750
<b>Cộng</b>	<b>12.858.328.476</b>	<b>38.535.677.071</b>	<b>12.858.328.476</b>	<b>38.535.677.071</b>
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>		<b>Giá trị hợp lý</b>	
	<b>31/12/2017</b>	<b>10/11/2017</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>10/11/2017</b>
Phải trả người bán	9.798.131.554	8.025.251.495	9.798.131.554	8.025.251.495
Chi phí phải trả	235.756.878	40.909.091	235.756.878	40.909.091
Các khoản phải trả khác	1.037.977.861	26.902.606.473	1.037.977.861	26.902.606.473
<b>Cộng</b>	<b>11.071.866.293</b>	<b>34.968.767.059</b>	<b>11.071.866.293</b>	<b>34.968.767.059</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

**4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 02 năm 2018



**Nguyễn Thị Hạnh Quyên**  
Kế toán trưởng  
Người lập biểu



**Nguyễn Thanh Hải**  
Giám đốc



**Lê Thị Hồng Vân**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị